

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 01 - 7- 2020.

*V/v Tranh chấp đòi bồi thường
thiệt hại do danh dự, nhân
phẩm, uy tín bị xâm phạm.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh và ông Phạm Thế Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 23/12/2019 về tranh chấp " Đòi bồi thường thiệt hại do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 08/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 19xx, có mặt;

Địa chỉ: Thôn K, xã L(Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Xuân, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp Lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, theo quyết định số 14/QĐ-TGPL ngày 10/01/2019, của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, có mặt.

- Bị đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 19xx, vắng mặt.

* Người làm chứng:

- Anh Triệu Văn Q, sinh năm: 19xx, vắng mặt.

- Anh Triệu Văn H, sinh năm 19xx, có mặt.

Địa chỉ: cùng trú tại thôn K, xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu lấy lời khai có trong hồ sơ vụ

án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – chị Dương Thị D trình bày: Vào khoảng 17 giờ ngày 03/8/2019, chị Triệu Thị H trú tại thôn K, xã L (Nay là xã S - ghi theo tên mới là xã S), huyện N đã vào trang cá nhân Facebook để đăng thông tin và hình ảnh cá nhân chị để vu khống, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị. Tại thời điểm chị H vu khống chị đang làm việc cho trong một quán ăn HQ tại Hà Nội. Trước sự việc như vậy, chồng chị đã yêu cầu chị phải bỏ công việc đang làm để về nhà. Sau đó Công an huyện N đã giải quyết việc chị H vu khống chị. Hành vi trên của chị H, đã khiến cho chồng chị và mọi người trong thôn xa lánh, bản thân chị bị mất thu nhập và gây tổn hại tinh thần cho chị. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu chị Triệu Thị H phải bồi thường cho chị tổng số tiền là 25.000.000,đ cho các khoản: Tiền thu nhập bị mất từ khi nghỉ việc tại quán ăn HQ cho đến ngày giải quyết xong vụ án là 4.000.000,đ x 5 tháng = 20.000.000,đ và tiền tổn thất về tinh thần là 5.000.000,đ. Nay tại phiên tòa chị có thay đổi, bổ sung yêu cầu chị H phải bồi thường tiền thu nhập bị mất trong hai tháng theo đúng xác nhận của nơi chị làm việc để tìm công việc mới phù hợp là 8.000.000,đ x 2 tháng = 16.000.000,đ và tiền tổn thất về tinh thần là 10.000.000,đ.

Tại biên bản ghi lời khai, chị Triệu Thị H trình bày: Khoảng năm 2014 – 2015 chị phát hiện chị Dương Thị D với chồng chị là Triệu Văn Q có nhắn tin quan hệ bất chính, chính quyền thôn đã hòa giải và có cam kết bên nào sai bên đó chịu trách nhiệm. Tuy nhiên sau đó chị D vẫn tiếp tục nhắn tin cho chồng chị, nên chị có nhắn tin cho vợ chồng chị D thì bị chị D chửi lại với những lời nói tục tĩu, do vậy chị có vào tài khoản Facebook của chị để đăng bài với nội dung: “Các bạn có biết con “đ” này không, giờ đi xuống Hà Nội để kiếm sống qua ngày” kèm theo ảnh của chị D và sau đó chị đã xóa. Sự việc trên đã bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính và chị đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền nộp phạt là 5.000.000,đ. Do đã nộp phạt cho Nhà nước nên chị không nhất trí bồi thường số tiền 25.000.000,đ cho chị D.

Theo bản ghi lời khai anh Triệu Văn Q trình bày: Anh không có quan hệ bất chính với chị D. Chỉ sau khi chị H, vợ anh phát hiện của gọi nhờ của chị D cho anh thì chị D có một lần gọi cho anh với nội dung: “Sao lại để vợ ở nhà mà bị phát hiện cuộc gọi nhờ này”. Khi tham gia vào mạng xã hội thì anh không biết sử dụng nên không biết trả lời. Chỉ thấy trên mạng có biểu tượng “Vẫy tay” và hỏi “Đi làm chưa” nên anh đã sử dụng biểu tượng bàn tay vẫy để trả lời.

Theo bản ghi lời khai và tại phiên tòa – anh Triệu Văn H Trình bày: Cách đây khoảng 4 đến 5 năm, tại nhà họp thôn K đã tổ chức phiên hòa giải gồm có các thành phần: Anh, anh Q, chị D, Công an xã, thôn. Nội dung phiên hòa giải xuất phát từ việc anh có được đọc tin nhắn trong điện thoại của vợ anh có nội dung “Ngủ chưa” nên anh sử dụng điện thoại của vợ gọi đến số điện thoại của tin nhắn, thì biết là số điện thoại của anh Q. Do nội dung tin nhắn được gửi vào buổi tối (Lúc đi vào giường ngủ) nên anh đã nghi ngờ vợ và anh đã yêu cầu công an xã, thôn đến giải quyết. Sau buổi hòa giải, các bên cam kết và từ đó đến nay không xảy ra việc gì nữa. Sau khi bị chị H vu khống chị D lên mạng xã hội thì anh đã yêu cầu chị D phải về nhà. Từ đó cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn được như trước nữa, còn con của anh thì hay dùng điện thoại để gọi mẹ về. Sự việc trên có ảnh hưởng đến gia

đình anh khi hàng xóm, láng giềng hay hỏi anh sự việc trên mạng có thật không, sự việc có xảy ra đúng như thế không. Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Hành vi nói xấu của chị H với chị D là vi phạm đến đời tư và ảnh hưởng xấu đến thu nhập và danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị D nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 32, 34 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và các Điều 584, 592 của Bộ luật dân sự (BLDS), buộc chị H phải bồi thường số tiền thu nhập bị mất trong hai tháng là 16.000.000,đ và tiền tổn thất về tinh thần là 10.000.000,đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều được Thẩm phán thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39 và các Điều 584; Điều 585, 586, 592 của BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị D. Buộc chị H phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho chị D từ 5.000.000,đ đến 7.000.000,đ và tiền thu nhập bị mất từ 8.000.000,đ đến 9.000.000,đ. Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn; chị Dương Thị D khởi kiện yêu cầu chị Triệu Thị H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền là 26.000.000,đ, cho khoản thu nhập bị mất và tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người làm chứng là anh Triệu Văn Q vắng mặt lần hai không có lý do; nguyên đơn, người làm chứng là anh Triệu Văn H có mặt cùng Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa giải quyết vắng mặt bị đơn, người làm chứng. Bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của BLTTDS nhưng vẫn vắng mặt không có lý do kể từ khi mở phiên họp kiểm tra, đánh giá chứng cứ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện N tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng là có căn cứ.

[2] Về nội dung và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Vào khoảng 17 giờ ngày 03/8/2019, chị Triệu Thị H trú tại thôn K, xã S,

huyện N đã vào trang cá nhân Facebook để đăng ảnh cá nhân của chị D và kèm thông tin vu khống, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị Dương Thị D. Tại thời điểm chị H vu khống, chị D đang làm việc cho trong một quán ăn HQ tại Hà Nội và có thu nhập ổn định. Hành vi trên của chị Huyền đã bị Công an huyện N đã lập biên bản và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 256/QĐ-XPHC ngày 07/11/2019 đối với chị Triệu Thị H. Nay chị D yêu cầu chị Triệu Thị H phải bồi thường cho chị tiền thu nhập bị mất của hai tháng từ khi nghỉ việc tại quán ăn HQ là $8.000.000,đ \times 2 \text{ tháng} = 16.000.000,đ$ + tiền tổn thất về danh dự nhân phẩm, uy tín là 10.000.000,đ. Do vậy, quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và áp BLDS 2015 để giải quyết là có căn cứ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

Xét về mức độ lỗi: Do chị Triệu Thị H nghi ngờ chồng là anh Triệu Văn Q và chị Dương Thị D có quan hệ bất chính nên ngày 03/8/2019, chị H đã đăng nội dung vu khống, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị D lên trang mạng xã hội Facebook kèm theo ảnh chân dung của chị D. Trong quá trình làm việc tại cơ quan Công an và tại Tòa án, chị H không cung cấp được bằng chứng việc anh Q có quan hệ bất chính với chị D và anh Triệu Văn Q là chồng chị H cũng khẳng định không có quan hệ bất chính với chị D; chỉ có những nội dung tin nhắn xã giao thông thường. Hành vi vu khống của chị H đã bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 256/QĐ-XPHC ngày 07/11/2020 về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị D. Do vậy, hành vi vu khống của chị H đối với chị D hoàn toàn là do lỗi của chị H.

Xét về mức độ tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín: Hành vi vu khống của chị Triệu Thị H là hành vi bị nghiêm cấm; mức độ ảnh hưởng là rất lớn do có sự lan tỏa nhanh; gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị D; làm cho chồng, con nghi ngờ và hàng xóm dị nghị. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D yêu cầu mức bồi thường tổn thất tinh thần là 5.000.000,đ, nay tại phiên tòa chị D yêu cầu chị H phải bồi thường số tiền là 10.000.000,đ. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị H vắng mặt, nên tranh chấp giữa các đương sự không thỏa thuận được. Do vậy, xét thấy việc thay đổi, bổ sung yêu cầu tại phiên tòa của chị D làm tăng thêm giá trị tranh chấp đối với yêu cầu bồi thường là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên cần giữ nguyên yêu cầu mức bồi thường trong đơn khởi kiện là phù hợp; yêu cầu bổ sung vượt quá không được chấp nhận.

Xét về thu nhập bị mất: Tại thời điểm chị D bị xâm phạm về danh dự, nhân phẩm, uy tín thì chị D đang làm công, ăn lương tại quán ăn T tại địa chỉ: Số nhà 3xxx, khu đô thị D – Sông Đà, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi bị xúc phạm, chị D đã phải bỏ công việc để về nhà. Tại giấy xác nhận ngày 17/12/2019 của ông P, giám đốc nhà hàng thể hiện: Thời gian chị D làm việc là từ ngày 01/3/2019 đến hết ngày 12/8/2019; tổng mức thu nhập hàng tháng của chị D là 8.150.000,đ. Thời gian chị D nghỉ việc tính từ ngày 13/8/2019 đến nay là hơn 10 tháng. Mức thu nhập hàng tháng như trên là có căn cứ. Trong đơn khởi kiện, chị D yêu cầu chị H có trách nhiệm bồi thường thu nhập bị mất với mức:

4.000.000,đ/tháng x 5 tháng = 20.000.000,đ. Nay tại phiên tòa, chị D thay đổi mức yêu cầu bồi thường là 8.000.000,đ x 2 tháng = 16.000.000,đ. Như đã phân tích ở trên, do chị H vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nên giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường. Tuy nhiên, yêu cầu bồi thường và mức yêu cầu bồi thường tại phiên tòa của chị D không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, không làm phát sinh quan hệ pháp luật khác ngoài phạm vi khởi kiện; không làm tăng thêm giá trị tranh chấp và phù hợp với việc bù đắp khoản thu nhập bị mất trong thời gian chị tìm kiếm một công việc khác phù hợp, nên việc thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với thu nhập bị mất là phù hợp cần được chấp nhận.

Trên cơ sở phân tích ở trên và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả tranh luận tại phiên tòa, tổng hợp các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị D thay đổi, bổ sung yêu cầu nhưng không làm phát sinh thêm quan hệ pháp luật tranh chấp khác mà Tòa án đang xem xét giải quyết trong vụ án, nhưng một phần yêu cầu chị D thay đổi, bổ sung yêu cầu tại phiên tòa vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Do đó, chấp nhận một phần thay đổi, bổ sung yêu cầu của chị Dương Thị D. Buộc chị Triệu Thị H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị D tổng số tiền là 21.000.000,đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn có yêu cầu đòi bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín; bị đơn thuộc hộ nghèo và các đương sự đều có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm về việc đánh giá chứng cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp; quan điểm giải quyết vụ án về mức bồi thường tổn thất tinh thần là chưa phù hợp. Điều luật áp dụng để giải quyết vụ án; quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp một phần yêu cầu của nguyên đơn; các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp; mức đề nghị bồi thường về thu nhập bị mất là chưa phù hợp với nội dung và tình tiết của vụ án và nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, khoản 1 Điều 244, 273 của BLTTDS 2015; khoản 1 Điều 584; Điều 585, 586, 592 của BLDS 2015; điểm d, đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị D đối với chị Triệu Thị H về việc yêu cầu chị Triệu Thị H phải bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho chị.

Buộc chị Triệu Thị H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị D tổng số tiền

21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng, cho các khoản sau:

- Tiền bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: 5.000.000 (Năm triệu) đồng; tiền ngày công thu nhập bị mất là: 8.000.000 (Tám triệu) đồng x 02 (Hai) tháng = 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng.


Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền còn phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Dương Thị D và chị Triệu Thị H.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được giao nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các Đương Sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đs;
- VKS nhân dân huyện;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS;
- Lưu HSVA, VP  .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)
TRẦN QUANG HÒA**